

Bản án số: 53/2023/HS-ST
Ngày: 21/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hữu và ông Dương Đức Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoàng, Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2023/HSST, ngày 25 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/HSST-QĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/HSST-QĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2023, đối với bị cáo:

Chu Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05/6/1986, tại xã D, huyện D1, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Hà Tĩnh; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Chu Văn M; Sinh năm 1965 và bà Vũ Thị U; Sinh năm 1966; Anh chị em ruột: Có 3 người, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Lê Thị H; Sinh năm 1991 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 10/3/2023 đến nay, (Có mặt).

*** Bị hại:**

1. Chị Đậu Thị H1; Sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện T1, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do, (Vắng mặt).

2. Anh Dương Văn H2; Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện T1, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Cán bộ, (Có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:** Chị Nguyễn Thị Thúy L; Sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Phường T2, thành phố H3, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do, (Vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Chị Lê Thị H; Sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Hà Tĩnh, (Có mặt).

2. Anh Võ Ánh Q; Sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T3, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh, (Vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị H4; Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Chung cư V, phường T4, thành phố H3, tỉnh Hà Tĩnh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng anh Dương Văn H2; Sinh năm 1981 và chị Đậu Thị H1; Sinh năm 1989, trú tại thôn K, xã T, huyện T1, tỉnh Hà Tĩnh và vợ chồng Chu Văn Đ - Lê Thị H, trú tại thôn B, xã T, huyện T1 có mối quan hệ bạn bè thân thiết với nhau từ khoảng năm 2016. Ngày 26/7/2021, Chu Văn Đ vay của vợ chồng chị H1, anh H2 10.000.000 đồng, đến ngày 23/8/2021 Chu Văn Đ vay tiếp của vợ chồng chị H1, anh H2 10.000.000 đồng (tổng cộng 20.000.000 đồng) để chi tiêu cá nhân.

Đầu tháng 9/2021, anh Dương Văn H2 và chị Đậu Thị H1 có thỏa thuận mua của anh Võ Ánh Q; Sinh năm 1974, trú tại thôn Đ, xã T3, huyện L1, tỉnh Hà Tĩnh thửa đất số 179, tờ bản đồ số 16 thuộc thôn B, xã T, huyện T1 với giá 1.910.000.000 đồng, đặt cọc trước 300.000.000 đồng. Do vợ chồng anh H2, chị H1 có ý định mua thửa đất này của anh Q rồi bán lướt (tìm khách mua với giá cao hơn để bán lại kiếm lời khi chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng với anh Q), nhưng không muốn để anh Q biết ý định của mình nên khi đặt vấn đề mua thửa đất nói trên, anh Dương Văn H2 đã nói với anh Võ Ánh Q là anh H2 mua thửa đất này cho một người em mà không phải mua cho mình. Đồng thời, do mối quan hệ thân thiết và biết được vợ chồng Chu Văn Đ thường xuyên mua, bán đất nên quen với các thủ tục mua bán, sang nhượng đất; vì vậy, anh H2, chị H1 đã nhờ Chu Văn Đ và chị Lê Thị H nhận là họ hàng với anh H2 và đứng tên trong hợp đồng đặt cọc tiền mua đất với anh Võ Ánh Q, đồng thời nhận là người mua đất của anh Q thì Chu Văn Đ và chị Lê Thị H đồng ý.

Sau khi Chu Văn Đ và chị Lê Thị H đồng ý đứng tên trong hợp đồng đặt cọc tiền mua đất của anh Võ Ánh Q, chị H1 đã chuyển tiền cho chị H để chị H đặt cọc tiền mua đất với anh Q. Chị H1 đã chuyển từ tài khoản số 0201000629892, ngân hàng Vietcombank của chị H1 đến số tài khoản số 0201000636843, ngân hàng Vietcombank của chị H 02 lần gồm ngày 11/9/2021 chuyển 30.000.000 đồng và ngày 13/9/2021 chuyển 210.000.000 đồng (tổng bằng 240.000.000 đồng). Do ngày 13/9/2021 là ngày thỏa thuận đặt cọc tiền mua đất nhưng vì chưa có đủ tiền nên anh H2, chị H1 đặt vấn đề vay của chị H 60.000.000 đồng để có đủ 300.000.000 đồng đặt cọc đất thì chị H đồng ý. Cùng ngày, tại nhà anh Võ Ánh Q, Chu Văn Đ và chị Lê Thị H đã lập hợp đồng đặt cọc mua đất số tiền 300.000.000 đồng với vợ chồng anh Q. Số tiền 60.000.000 đồng mà vợ chồng anh H2, chị H1 vay của chị H để thêm vào đặt cọc đất nói trên, khoảng mấy ngày sau khi đặt cọc đất, chị Đậu Thị H1 đã chuyển trả lại đủ cho chị Lê Thị H (gồm chuyển khoản 40.000.000 đồng và tiền mặt 20.000.000 đồng).

Sau khi hoàn thành thủ tục đặt cọc thửa đất nói trên, ngày 18/9/2021 anh Dương Văn H2 đã nhờ chị Nguyễn Thị H4; Sinh năm 1993, trú tại phường T4, thành phố H3 (là người môi giới đất) tìm khách để bán nhưng chưa bán được. Cùng ngày, Chu Văn Đ nhắn tin với anh Dương Văn H2 ngỏ ý muốn mua lại thửa đất này từ anh vợ chồng anh H2 với giá 2.400.000.000 đồng thì anh H2, chị H1 đồng ý và thống nhất: Vợ chồng Chu Văn Đ sẽ thực hiện giao dịch mua đất trực tiếp với vợ chồng anh Võ Ánh Q trên giấy tờ, còn phần lợi nhuận chênh lệch từ mua bán đất là 2.400.000.000 đồng - 1.910.000.000 đồng = 490.000.000 đồng và 300.000.000 đồng tiền đặt cọc đất trước đó (tổng bằng 790.000.000 đồng) thì vợ chồng Chu Văn Đ sẽ hoàn trả cho anh H2, chị H1 sau. Ngày 29/9/2021, Chu Văn Đ và chị Lê Thị H đã chuyển đủ 1.610.000.000 Đ còn lại cho anh Võ Ánh Q và thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này sang tên vợ chồng Chu Văn Đ và chị Lê Thị H.

Mấy ngày sau khi Đ ý nhượng lại thửa đất cho Chu Văn Đ và chị Lê Thị H, chị Đậu Thị H1 đã thúc giục Đ và chị H trả lại 790.000.000 Đ tiền đặt cọc đất và tiền lãi chênh lệch bán đất như thỏa thuận cho vợ chồng anh H2, chị H1. Do đó, chị H đã chuyển khoản trả tiền cho chị H1 02 lần gồm: Ngày 21/9/2021, chị H chuyển từ số tài khoản 0201000636843 của chị H đến số tài khoản 0201000629892 của chị H1 250.000.000 đồng; ngày 13/10/2021, chị H tiếp tục chuyển đến số tài khoản 0201000629892 của chị H1 500.000.000 đồng (tổng bằng 750.000.000 đồng). Như vậy, vợ chồng Đ và chị H còn thiếu nợ vợ chồng anh H2, chị H1 40.000.000 đồng, số tiền này Chu Văn Đ nói dối chị Lê Thị H là anh H2, chị H1 bớt tiền bán đất cho nên chị H nghĩ rằng tiền mua bán đất giữa hai bên đã thanh toán đầy đủ. Nhưng thực chất Đ nhận trách nhiệm bản thân sẽ tự trả cho anh H2, chị H1 40.000.000 đồng này cùng với 20.000.000 đồng mà Đ vay anh H2 chị H1 để chi tiêu cá nhân ngày 26/7/2021 và ngày 23/8/2021 nhưng đề nghị anh H2, chị H1 không nói cho chị H biết về số vay 20.000.000 đồng này nên anh H2, chị H1 Đ ý.

Trước đó, vào ngày 03/02/2021 do cần tiền để đặt cọc mua đất bán lướt trong thời điểm sốt đất, Chu Văn Đ đã vay của chị Nguyễn Thúy L, sinh năm 1976, trú tại phường T3, thành phố H3, tỉnh Hà Tĩnh 100.000.000 đồng với mức trả lãi theo thỏa thuận là 7.500.000 đồng/tháng; đến tháng 5/2021, chị L giảm lãi cho Chu Văn Đ xuống còn 6.500.000 đồng/tháng. Ngày 31/5/2021, Chu Văn Đ tiếp tục vay thêm của chị Nguyễn Thúy L 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.000 đồng /01 triệu đồng /01 ngày. Tổng số tiền Chu Văn Đ vay của chị Nguyễn Thúy L qua 02 lần là 200.000.000 đồng; cả hai lần vay tiền này Đ đều không nói cho vợ mình là chị Lê Thị H biết. Đến tháng 8/2021, do cần tiền nên chị Nguyễn Thúy L đã yêu cầu Chu Văn Đ phải trả lại khoản tiền gốc và tiền lãi còn thiếu đối với 02 khoản vay nói trên.

Từ khoảng giữa tháng 9/2021 việc kinh doanh quyền sử dụng đất bắt đầu gặp khó khăn, đất không bán lướt được nên Chu Văn Đ chưa có tiền để trả nợ cho chị Nguyễn Thúy L. Ngày 21/9/2021, biết vợ mình là Lê Thị H sẽ chuyển khoản trả nợ cho chị Đậu Thị H1 250.000.000 đồng liên quan đến việc mua bán thửa đất của anh Võ Ánh Q nên Chu Văn Đ đã gọi điện, nhắn tin cho anh Dương Văn H2, chị Đậu Thị H1 hỏi vay lại 250.000.000 đồng này để trả nợ cho chị Nguyễn Thúy L và dự định khi nào bán được đất thì sẽ trả nợ cho anh H2, chị H1. Khi đặt vấn đề vay tiền, vì sợ vợ chồng

anh H2, chị H1 không cho vay nên Đ đã nói dối anh H2, chị H1 là vay tiền để đặt cọc tiền mua đất và hứa sẽ trả lại sau thời gian ngắn. Anh H2 và chị H1 đã đồng ý cho Chu Văn Đ vay lại số tiền 250.000.000 đồng nói trên mà không tính lãi suất. Chu Văn Đ đã sử dụng tài khoản Facebook có tên “Chu Đ” (tài khoản này sau đó đã bị khóa) nhắn tin đến tài khoản Facebook có tên “Mai H1” của chị Đậu Thị H1, đề nghị chị H1 chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 020100050482 của chị Nguyễn Thúy L và chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0201000704553 của Chu Văn Đ. Trong ngày 21/9/2021, chị Đậu Thị H1 đã chuyển từ tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0201000629892 của chị H1 đến tài khoản ngân hàng Vietcombank số 020100050482 của chị L trong 02 lần, 01 lần 2.000.000 đồng (do bấm thiếu chữ số) và 01 lần 198.000.000 đồng (tổng bằng 200.000.000 đồng), đồng thời chuyển vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0201000704553 của Chu Văn Đ 50.000.000 đồng (CQCSĐT Công an huyện Thạch Hà đã tiến hành sao kê các tài khoản ngân hàng nói trên, kết quả phù hợp về số tiền, ngày giờ và số tài khoản chuyển, nhận tiền).

Đối với số tiền 50.000.000 đồng chị Đậu Thị H1 chuyển vào tài khoản của Chu Văn Đ, Đ sử dụng 21.200.000 đồng để trả tiền lãi còn thiếu cho chị Nguyễn Thúy L; sau đó, Đ và chị L xác nhận đã trả hết nợ. Số tiền 28.800.000 đồng còn lại, Đ đã sử dụng hết vào việc đi lại, ăn uống trong hoạt động mua bán đất.

Sau khi Chu Văn Đ vay số tiền nói trên được một thời gian nhưng không thấy trả nợ nên anh Dương Văn H2 và chị Đậu Thị H1 đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện thúc giục Đ trả nợ; tuy nhiên do chưa bán được đất nên Đ chưa có tiền trả. Quá trình này, có một số lần Đ nhờ anh H2 tìm mối bán đất hoặc Đ sẽ chuyển nhượng lại đất, chuyển nhượng lại kho vợ chồng Đ đang kinh doanh đồ điện tử cho anh H2 để trừ nợ, nhưng anh H2 không Đ ý nên Đ chưa trả được tiền cho vợ chồng anh H2 chị H1.

Đến ngày 03/10/2022, do không đòi được tiền nên chị Đậu Thị H1 đã làm đơn tố cáo Chu Văn Đ đến CQCSĐT Công an huyện Thạch Hà. Khi được Cơ quan điều tra triệu tập làm việc, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt nên tìm cách trốn tránh trách nhiệm, nghĩa vụ trả số tiền vay nợ vợ chồng anh H2, chị H1, vì vậy đã nhiều lần Đ khai báo với Cơ quan điều tra là do ngày 13/10/2021 chị Lê Thị H vợ Đ có giao dịch chuyển khoản cho chị Đậu Thị H1 vay 500.000.000 đồng, nên anh H2, chị H1 pH2 khấu trừ tất cả số tiền Đ đã vay và đang nợ, gồm: 10.000.000 đồng vay ngày 26/7/2021; 10.000.000 đồng vay ngày 23/8/2021; 250.000.000 đồng vay ngày 21/9/2021 (tổng bằng 270.000.000 đồng) vào số tiền 500.000.000 đồng này; đồng thời do Đ phủ nhận việc mua bán đất với vợ chồng anh H2 chị H1 nên số tiền chênh lệch 40.000.000 đồng còn thiếu Đ cũng chiếm đoạt, không trả lại cho vợ chồng anh H2 chị H1.

Bản chất số tiền 500.000.000 đồng mà chị Lê Thị H chuyển khoản cho chị Đậu Thị H1 vào ngày 13/10/2021 là tiền vợ chồng Chu Văn Đ và Lê Thị H trả tiền mua đất còn thiếu cho vợ chồng anh Dương Văn H2 và chị Đậu Thị H1, mà không phải tiền chị H1 vay nợ chị H. Tuy nhiên, do khi giao dịch chị H không ghi nội dung chuyển khoản nên Đ đã lợi dụng vào đó để thực hiện thủ đoạn gian dối nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ số tiền 310.000.000 đồng mà Đ còn thiếu nợ vợ chồng anh H2, chị H1.

Tại CQCSĐT Công an huyện Thạch Hà, qua nhiều lần làm việc Chu Văn Đ vẫn khẳng định về lời khai gian dối của mình, tuy nhiên sau khi Cơ quan điều tra đưa ra những chứng cứ không thể chối cãi, Đ đã thừa nhận hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của mình. Do đó, có đủ căn cứ xác định số tiền mà Chu Văn Đ đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt của vợ chồng anh Dương Văn H2, chị Đậu Thị H1 là 310.000.000 đồng.

Hành vi của Chu Văn Đ đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Động cơ, mục đích, nguyên nhân và điều kiện phạm tội là do Chu Văn Đ sau khi có được tài sản bằng cách vay mượn tiền của vợ chồng chị Đậu Thị H1 nhưng do không bán được đất, trong khi Đ cần tiền để trả nợ tiền làm ăn, tiêu xài cá nhân nên đã đưa ra thủ đoạn gian dối để cố tình không trả lại số tiền đã vay của vợ chồng chị Đậu Thị H1.

* *Vật chứng thu giữ*: CQCSĐT Công an huyện Thạch Hà thu giữ hình ảnh những đoạn tin nhắn trò chuyện trên ứng dụng Zalo, Facebook và tin nhắn điện thoại từ các điện thoại di động L quan. Hiện những tài liệu, vật chứng này được lưu theo hồ sơ vụ án.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Chu Văn Đ đã trả lại số tiền 310.000.000 đồng cho vợ chồng anh Dương Văn H2, chị Đậu Thị H1. Anh H2, chị H1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Chu Văn Đ và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Với hành vi trên, tại cáo trạng số 49/CT-VKS-TH, ngày 21/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà đã truy tố bị cáo Chu Văn Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Chu Văn Đ, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Chu Văn Đ 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng Điều 35, khoản 5 Điều 175 BLHS xử phạt bổ sung bị cáo Chu Văn Đ từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo pH2 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Chu Văn Đ khai nhận thống nhất như nội dung cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì.

- Lời nói sau cùng bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo rất ăn năn, hối cải và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo xin hứa từ nay về sau sẽ tự rèn luyện bản thân, không vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI Đ XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] *Về Hành vi, quyết định của Cơ quan và những người tiến hành tố tụng*: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai các bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 26/7/2021 đến ngày 21/9/2021, tại xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, thông qua vay mượn và giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Chu Văn Đ còn nợ vợ chồng anh Dương Văn H2, chị Đậu Thị H1 trú tại thôn Kỳ Phong, xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh tổng số tiền 310.000.000 Đ. Sau đó để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, Chu Văn Đ đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 310.000.000 Đ này của vợ chồng anh H2, chị H1.

Hành vi của bị cáo Chu Văn Đ là dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại; trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là trên 200 triệu đồng, do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 BLHS. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Chu Văn Đ về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội và ông bà ngoại là những người có công với cách mạng, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] *Về tính chất hành vi phạm tội và căn cứ quyết định hình phạt*: Trên cơ sở xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên, HĐXX xét thấy: Hành vi phạm tội bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần áp dụng hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bên cạnh đó cũng cần xem xét cho bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tự nguyện bồi thường thiệt hại trước thời điểm khởi tố vụ án và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu thực hiện hành vi phạm tội, bị hại

có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình có đơn trình bày hoàn cảnh được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo Chu Văn Đ có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Xét thấy, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo Chu Văn Đ phạm tội vì mục đích vụ lợi, do đó HĐXX áp dụng Điều 35, khoản 5 Điều 175 BLHS xử phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình điều tra, các bị hại đã được bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu gì thêm nên Hội Đ xét xử miễn xét.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thạch Hà đã thu giữ hình ảnh những đoạn tin nhắn trò chuyện trên ứng dụng Zalo, Facebook và tin nhắn điện thoại từ các điện thoại di động liên quan, được chuyển theo hồ sơ vụ án.

[8]. *Các vấn đề khác*: Trong vụ án, chị Nguyễn Thúy L là người cho Chu Văn Đ vay tiền 02 lần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, nhưng không có cầm cố tài sản gì. Cụ thể: Ngày 03/02/2021, chị L cho Đ vay 100.000.000 đồng, lãi suất 7.500.000 đồng/tháng = 90%/năm, đến tháng 5/2021, chị L giảm lãi suất xuống cho Đ còn 6.500.000 đồng/tháng = 78%/năm. Ngày 31/5/2021, chị L cho Đ vay 100.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng /01 triệu/01 ngày = 6.000.000 đồng/tháng = 72%/năm. Lãi suất cho vay của chị L chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) nên không vi phạm quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Đối với chị Lê Thị H (vợ Chu Văn Đ), quá trình Đ vay tiền vợ chồng anh Dương Văn H2, chị Đậu Thị H1 thì chị H không biết, đồng thời chị H không cung cấp, không biết việc Chu Văn Đ căn cứ giao dịch chuyển tiền qua tài khoản giữa chị H và chị H1 để khai báo gian dối với Cơ quan điều tra do thời điểm này chị H đang ở tỉnh Quảng Trị. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, chị H đã khai báo đúng sự thật, nên CQCSĐT Công an huyện Thạch Hà không xem xét trách nhiệm của những người này là có căn cứ. Đối với anh Võ Ánh Q, là người đã bán đất cho vợ chồng anh Dương Văn H2, chị Đậu Thị H1 thông qua người đứng tên trong hợp đồng là vợ chồng Chu Văn Đ, Lê Thị H. Anh Q không biết việc giữa anh H2, chị H1 và Chu Văn Đ có thỏa thuận gì, việc bán đất là hợp pháp nên xác định anh Võ Ánh Q không L quan đến hành vi phạm tội của Chu Văn Đ.

[9] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331, Điều 333 BLTTHS bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Văn Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Chu Văn Đ mức án 36 (Ba sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/9/2023).

Giao cáo Chu Văn Đ cho UBND xã T, huyện T1, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 35, khoản 5 Điều 175 BLHS xử phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo Chu Văn Đ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Chu Văn Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Công an huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA+VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Lâm